

Ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Quản lý tài nguyên rừng

Mã số: 60 62 02 11

Tiếng Anh: Forest Resources Management

Thời gian đào tạo: 02 năm

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý Tài nguyên rừng giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường.

1.2. Yêu cầu đào tạo

Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sỹ chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng sẽ đạt các yêu cầu sau:

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất đạo đức tốt, có lý tưởng, có lập trường tư tưởng vững vàng. Tuân thủ pháp luật của nhà nước và các quy định, nội quy tại nơi làm việc, có đạo đức tác phong nghề nghiệp mẫu mực.

1.2.2. Về kiến thức chuyên môn

Có kiến thức chuyên môn sâu, rộng về tài nguyên rừng và các giải pháp bảo vệ, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng.

1.2.3. Về kỹ năng

- Tổ chức và thực hiện được các chương trình điều tra, đánh giá tài nguyên rừng;
- Thiết kế kỹ thuật, xây dựng và tổ chức thực hiện được các phương án quản lý tài nguyên rừng;
- Xử lý vi phạm trong công tác quản lý tài nguyên rừng;
- Tổ chức và vận động quần chúng tham gia thực hiện các phương án quản lý tài nguyên rừng.

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 2 năm đối với hệ tập trung, 3 năm đối với hệ không tập trung.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Mã số	Tên môn học	Số TC	Thời lượng		Học kỳ thực hiện
				LT	BT/TL /TH/TN	
I	Kiến thức chung		6			
1	FUTH 501	Triết học	3	30	15	I
2	FUTA 502	Tiếng Anh	3	30	15	I

II	Kiến thức cơ sở ngành		17			
II.1	Kiến thức bắt buộc:		11			
1	QLSH 503	Cơ sở sinh học bảo tồn	3	35	10	I
2	QLNC 504	Phương pháp NCKH chuyên ngành	2	25	5	I
3	LNTK 507	Xử lý thống kê trong lâm nghiệp	2	20	10	I
4	LNGR 519	GIS và Viễn thám trong Lâm nghiệp	2	20	10	I
5	KTTN 511	Kinh tế tài nguyên môi trường	2	25	5	I
II.2	Kiến thức tự chọn:		6			
1	QLTA 505	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10	II
2	KMPK515	Phân tích không gian môi trường	2	25	5	II
3	LNTV 516	Thuỷ văn ứng dụng trong lâm nghiệp	2	25	5	II
4	KMKS 512	Kỹ thuật sinh học môi trường	2	25	5	II
5	KMDH 504	Dịch vụ hệ sinh thái	2	25	5	II
6	QLSN 527	Seminar	2	25	5	II
III	Kiến thức chuyên ngành		26			
A	Các môn bắt buộc		14			
1	QLTV 507	Quản lý tài nguyên thực vật rừng	2	25	5	II
2	QLĐV 508	Quản lý động vật hoang dã	2	25	5	II
3	QLCT 509	Quản lý côn trùng rừng	2	25	5	II
4	QLBC 510	Bệnh cây rừng và vi sinh vật có ích	2	25	5	II
5	QLLR 511	Quản lý lửa rừng	2	25	5	II

6	QLLV 512	Quản lý lưu vực	2	25	5	II
7	QLDD 513	Quản lý rừng đặc dụng	2	25	5	II
B	Các môn tự chọn		12			
1	QLST 527	Sinh thái cảnh quan	2	20	10	III
2	QLTT 514	Tập tính động vật	2	25	5	III
3	LNQĐ 509	Quản lý sử dụng đất	2	25	5	III
4	QLMT528	Đánh giá tác động môi trường	2	25	5	III
5	QLNG516	Quản lý lâm sản ngoài gỗ	2	20	10	III
6	QLNL526	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm hại	2	25	5	III
7	KMQH527	Quản lý các hệ sinh thái	2	25	5	III
8	KMQL524	Quản lý môi trường	2	25	5	III
9	KMBK513	Biến đổi khí hậu và lâm nghiệp	2	25	5	III
10	LNCS 520	Chính sách lâm nghiệp	2	25	5	III
11	QLCM528	Phương pháp lấy mẫu TNTN	2	25	5	III
12	QLSM 529	Seminar	2	25	5	III
IV	Luận văn tốt nghiệp		11			III, IV
TỔNG CỘNG:			60			